

BIỂU: PHÂN BỐ, GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHO CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH
TRONG NĂM 2024 (đợt 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn kinh phí/Đơn vị (Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh)	Phân bổ, giao bổ sung đợt này (đợt 3)	Phân khai theo sự nghiệp			
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi Văn hóa thông tin	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi khác ngân sách
A	Kinh phí đã giao cho đơn vị dự toán cấp I nhưng chưa phân khai do chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện	10.911.193.005	9.397.441.900	1.513.751.105	0	0
I	Các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, chính sách thu hút nguồn lực - Dòng 06 Phụ lục 05 NQ 64; Dòng 06 QĐ 2587	9.397.441.900	9.397.441.900			
1	Các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, chính sách thu hút nguồn lực	9.397.441.900	9.397.441.900			
	Sở Nội vụ	7.142.585.120	7.142.585.120			
	Sở Y tế	908.956.780	908.956.780			
	10% tiết kiệm cải cách tiền lương	1.345.900.000	1.345.900.000			
II	Chương trình Công nghệ thông tin, chuyển đổi số, Đề án 06 - Dòng 12 Phụ lục 05 NQ 64; Dòng 12 QĐ 2587	1.513.751.105		1.513.751.105		
1	Kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1.763.751.105		1.763.751.105		
	Sở Thông tin và Truyền thông	929.751.105		929.751.105		
	Văn phòng UBND tỉnh	534.000.000		534.000.000		
	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	300.000.000		300.000.000		
2	Giảm kinh phí đã phân bổ tại số thứ tự 8 Mục I Phần A Nghị quyết số 39/NQ-HĐND (đợt 1) do trùng với nhiệm vụ đầu tư công	-250.000.000		-250.000.000		
	Sở Tài chính	-250.000.000		-250.000.000		
B	Kinh phí chưa giao cho đơn vị dự toán cấp I, phải giao bổ sung do phát sinh nhiệm vụ trong năm 2024	13.627.315.145	3.960.930.291	0	42.120.000	9.624.264.854
I	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo khác phát sinh trong năm theo chỉ đạo của UBND tỉnh - Dòng 45 Phụ lục 05 NQ 64; Dòng 45 QĐ 2587	3.818.390.291	3.818.390.291			
1	Kinh phí đào tạo học viên ngành quân sự cơ sở	852.250.291	852.250.291			
	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	852.250.291	852.250.291			
2	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục năm 2024	2.966.140.000	2.966.140.000			
	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.966.140.000	2.966.140.000			
II	Chi đào tạo sau đại học và chính sách đào tạo, thu hút chung của tỉnh - Dòng 46 Phụ lục 05 NQ 64; Dòng 46 QĐ 2587	142.540.000	142.540.000			
1	Kinh phí sau đại học	142.540.000	142.540.000			
	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	92.410.000	92.410.000			
	Sở Xây dựng	50.130.000	50.130.000			
III	Chi cho các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao (bao gồm kinh phí Đại hội các đoàn thể) - Dòng 58 Phụ lục 05 NQ 64	42.120.000			42.120.000	
1	Kinh phí bổ sung chi trả thù lao do bổ sung 01 Phó Chủ tịch Hội	42.120.000			42.120.000	
	Hội Luật gia tỉnh	42.120.000			42.120.000	

STT	Nguồn kinh phí/Đơn vị (Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh	Phân bổ, giao bổ sung đợt này (đợt 3)	Phân khai theo sự nghiệp			
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi Văn hóa thông tin	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi khác ngân sách
IV	Chi khác ngân sách (trong đó có kinh phí bồi thường trách nhiệm của Nhà nước, chi sửa chữa, mua xe ô tô, chi trả lãi vay...) - Dòng 59 Phụ lục 05 NQ 64; Dòng 59 QĐ 2587	9.624.264.854				9.624.264.854
1	Kinh phí mua xe ô tô cho các Ban của Tỉnh ủy	4.789.800.000				4.789.800.000
	<i>Ban Tổ chức Tỉnh ủy (01 xe)</i>	<i>1.699.500.000</i>				<i>1.699.500.000</i>
	<i>Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (01 xe)</i>	<i>1.699.500.000</i>				<i>1.699.500.000</i>
	<i>Ban Dân vận Tỉnh ủy (01 xe)</i>	<i>1.390.800.000</i>				<i>1.390.800.000</i>
2	Kinh phí bổ sung do xác định lại biên chế năm 2024 so với thời điểm lập dự toán	3.679.000.000				3.679.000.000
	<i>Sở Lao động Thương binh và Xã hội</i>	<i>3.029.000.000</i>				<i>3.029.000.000</i>
	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>650.000.000</i>				<i>650.000.000</i>
3	Bổ sung kinh phí để tiếp tục ký hợp đồng đo đạc khí tượng thủy văn và chi công tác trực ban năm 2024	122.586.414				122.586.414
	<i>Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tình</i>	<i>122.586.414</i>				<i>122.586.414</i>
4	Sở Tài chính	219.630.000				219.630.000
	<i>Kinh phí hoạt động của Trung tâm Mua tài sản công</i>	<i>219.630.000</i>				<i>219.630.000</i>
5	Liên Đoàn lao động tỉnh	14.306.000				14.306.000
	<i>Bổ sung chênh lệch do mức lương cơ sở tăng cho Tổ dự luận xã hội</i>	<i>7.776.000</i>				<i>7.776.000</i>
	<i>Bổ sung kinh phí giám sát</i>	<i>6.530.000</i>				<i>6.530.000</i>
6	Cục Thông kê tỉnh	798.942.440				798.942.440
	<i>Điều tra chi tiêu khách du lịch</i>	<i>111.545.000</i>				<i>111.545.000</i>
	<i>Điều tra thu nhập, chi tiêu và sinh hoạt các hộ gia đình</i>	<i>541.114.000</i>				<i>541.114.000</i>
	<i>Điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất thóc và Hệ thu năm 2024</i>	<i>80.283.440</i>				<i>80.283.440</i>
	<i>Hỗ trợ kinh phí biên soạn và in ấn phẩm niên giám thống kê năm 2023</i>	<i>66.000.000</i>				<i>66.000.000</i>
	TỔNG CỘNG (A+B)	24.538.508.150	13.358.372.191	1.513.751.105	42.120.000	9.624.264.854

